

TRƯỜNG MẦM NON MẶT TRỜI NHỎ

CHƯƠNG TRÌNH HỌC LỚP CHỒI 2021-2022

1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

a. Phát triển vận động

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp như:
 - + Hô hấp: hít vào thở ra
 - + Tay: đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên, co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.
 - + Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, quay sang trái – sang phải, nghiêng người sang trái – phải.
 - + Chân: bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ, co duỗi chân.
- Tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
 - + Đi và chạy: đi kiễng gót, đi và chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh; đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích đặt; đi trong đường hẹp
 - + Bò, trườn, trèo: bò, trườn theo hướng thẳng, đích đặt; bò chui qua cổng; trườn về phía trước
 - + Tung, ném, bắt: Lăn, đập, tung bắt bóng với cô; ném xa bằng 1 tay,...
 - + Bật, nhảy: bật tại chỗ, bật về phía trước, bật xa 20-25 cm.
- Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ: gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay; xếp chồng các hình khối khác nhau; xé, dán giấy; sử dụng kéo, bút,...

b. Dinh dưỡng sức khỏe:

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe (ăn đủ lượng, đủ chất, sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật,...)
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt
 - + Làm quen cách đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng, thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh
 - + Giữ gìn sức khỏe và an toàn
 - + Luyện tập một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
 - + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
 - + Nhận biết trang phục theo thời tiết và một số biểu hiện khi ốm

- Trẻ nhận biết được một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần
- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.

2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

a. Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người như chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.
- Đồ vật:
 - + Đồ dùng, đồ chơi: đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
 - + Phương tiện giao thông: tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.
 - + Động vật và thực vật: đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả quen thuộc. Cách chăm sóc và bảo vệ cây cỏ, con vật.
 - + Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng
- Một số hiện tượng tự nhiên: thời tiết; ngày và đêm, mặt trời và mặt trăng; nước, không khí, ánh sáng; đất đá, cát, sỏi.

b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm: đếm trên đối tượng 5 và đếm trong khả năng, gộp 2 nhóm đối tượng và đếm, tách một nhóm đối tượng thành nhiều nhóm nhỏ
- Xếp tương ứng: 1-1, ghép đôi
- So sánh, sắp xếp theo quy tắc: xếp xen kẽ, so sánh 2 đối tượng về kích thước.
- Đo lường
- Hình dạng: nhận biết và gọi tên các hình: vuông, tròn, chữ nhật, sử dụng các hình để lắp ghép.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian: nhận biết phía trên, phía dưới; phía trước, phía sau, tay phải, tay trái.

c. Khám phá xã hội:

- Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng: tên, tuổi, giới tính bản thân và người thân, địa chỉ gia đình, tên cô, bạn bè, đồ chơi, các hoạt động của trẻ ở trường.

3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

a. Nghe:

- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc

- Hiểu và làm theo các yêu cầu đơn giản
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng
- Hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi
- Nghe các bài hát, bài thơ, tục ngữ, câu đố phù hợp với độ tuổi

b. Nói

- Phát âm các tiếng của tiếng Việt
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
- Trả lời và đặt câu hỏi: ai? Cái gì? Khi nào? ở đâu?
- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
- Đọc thơ, ca dao, tục ngữ,... kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.
- Kể lại sự việc. Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ,
- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.

c. Làm quen với đọc và viết

- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông,...)
- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. Xem, nghe và đọc các loại sách khác nhau
- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt
- Cầm sách, mở sách đúng chiều, xem, đọc và giữ gìn sách

4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ THUẬT XÃ HỘI, THẨM MỸ

a. Tình cảm

- Ý thức về bản thân: tên, tuổi, giới tính, những điều bé thích, không thích.
- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b. Kỹ năng xã hội

- Một số quy định ở trường lớp và gia đình (đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định)
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội: cử chỉ, lời nói lễ phép, yêu mến ba mẹ, anh chị em ruột; chờ đến lượt; chơi hòa thuận với bạn và nhận biết hành vi “đúng – sai”, “tốt – xấu”
- Quan tâm đến môi trường: tiết kiệm điện, nước, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ và chăm sóc cây cối, con vật

c. Phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật: bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc:

- + Nghe các bài nhạc, hát đúng giai điệu, lời ca bài hát
- + Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc
- + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm
- + Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản
- + Nhận xét sản phẩm tạo hình đơn giản
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật: vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, nhạc quen thuộc
- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích và đặt tên cho sản phẩm của mình.